

Bản án số: 319/2020/HS-ST
Ngày: 27-10-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cải

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 273/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-HQĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ tên: **Lưu Thị Hồng N** - sinh năm 1985 tại: Tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 40B2 ô A, phường L, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 156/114 đường B, phường N, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Q và bà Trần Thị H; có chồng Trần Đức T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 10-7-2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Mai Thị Kim O, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm 10, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đinh Văn B - Chức vụ: Chuyên viên Bán sản phẩm cho vay – Phòng Khách hàng cá nhân KTM 2 – KV Thành Nam – Vùng 5 – Khối Khách hàng cá nhân. Ông Đinh Văn B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2018, Lưu Thị Hồng N là chuyên viên tín dụng tại Phòng giao dịch Q - Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) chi nhánh Đ, địa chỉ trụ sở ở số 98 Quốc lộ A, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định. Nhiệm vụ của N là trực tiếp chăm sóc, hỗ trợ tư vấn khách hàng trong quá trình lập hồ sơ vay vốn, thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng cá nhân và khi khách hàng có yêu cầu tái toán khoản vay thì N có trách nhiệm xác định số tiền dư nợ khách hàng còn phải trả rồi hướng dẫn hỗ trợ khách hàng thực hiện theo quy trình trả nợ trước hạn.

Tháng 4/2017, thông qua các mối quan hệ xã hội thì bà Mai Thị Kim O có quen biết N Ngân. Do có nhu cầu vay vốn để sản xuất kinh doanh nên bà O đã đề nghị N tư vấn, hỗ trợ làm hồ sơ vay Ngân hàng V số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 12-4-2017, bà O nộp Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân số LQN/VN0010200/201704106 đề nghị vay vốn hạn mức 200.000.000 đồng. Sau đó, Ngân hàng V chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Q đã tiến hành lập hồ sơ và ký Hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm số LD1712301432 khoản vay 200.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng với bà O. Hợp đồng tín dụng trên đã được ông Vũ Đình T - Giám đốc Phòng giao dịch Q thẩm định và trình Hội sở chính Ngân hàng V phê duyệt đồng ý cho vay. Ngày 25-4-2017, Ngân hàng V chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Q đã mở tài khoản số 121787229 cho bà O. Ngày 03-5-2017, khoản vay 200.000.000 đồng đã được giải ngân bằng hình thức chuyển trả vào tài khoản trên cho bà O.

Trong quá trình thiết lập hồ sơ tín dụng, do số bị mờ nên N điền nhầm số chứng minh nhân dân của bà O trong Hợp đồng tín dụng từ số “162236015” thành số “162236915” nên bà O không thể rút được tiền vay từ tài khoản số 121787229 mở tại Ngân hàng V. Sau đó, N đã hỗ trợ chuyển số tiền 172.200.000 đồng từ tài khoản trên đến tài khoản khác của bà O mở tại N hàng TMCP C chi nhánh Đ. Đối với số tiền 27.800.000 đồng còn lại, N đã sử dụng như sau: Mua bảo hiểm bắt buộc đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm cho bà O là 9.285.105 đồng; mua bảo hiểm nhân thọ Manulife cho con gái bà Oanh là chị Trần Phương T1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm 10, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định với số tiền 8.196.000 đồng; chi phí dịch vụ làm hồ sơ N được

hưởng là 10.000.000 đồng theo như thỏa thuận từ trước giữa bà O với N; trả phí duy trì tài khoản là 55.000 đồng. Và số dư để lại trong tài khoản số 121787229 của bà O là 263.895 đồng.

Ngày 02-6-2017, bà O đi nộp tiền lãi, gốc cho khoản vay nhưng không nộp được do bị sai số chứng minh nhân dân trong hợp đồng tín dụng nên đã liên hệ với N để hỗ trợ giải quyết. Khi đó, N đã đề nghị bà O đưa số tiền 6.500.000 đồng để N nộp tiền lãi, gốc hộ. Sau đó, hàng tháng từ ngày 02-6-2017 đến ngày 09-5-2018, bà O đều đến nhà Ngân tại địa chỉ: Số 156/114 đường B, phường N, thành phố Đ và đưa cho N số tiền khoảng 6.500.000 đồng/tháng để nhờ N nộp hộ tiền lãi, gốc của khoản vay. Quá trình giao nhận tiền hai bên đều không có giấy tờ biên nhận. Sau các lần nhận tiền của bà O, N đã sử dụng dịch vụ Internet banking hoặc trực tiếp nộp tiền vào tài khoản của bà O để trả tiền lãi, gốc của khoản vay. Tổng cộng, N nộp hộ bà O tiền lãi, gốc 18 lần với tổng số tiền 78.355.000 đồng.

Ngày 19-5-2018, do không còn nhu cầu vay vốn nên bà O đã liên hệ với N đề nghị làm quy trình tắt toán khoản vay. Thời điểm đó do đang cần tiền để trả nợ cá nhân nên N đã nảy sinh ý định sử dụng số tiền tắt toán khoản vay của bà O trước rồi sẽ khắc phục sau nên đã hẹn bà O đến nhà mình mà không hướng dẫn bà O đến Ngân hàng để thực hiện theo đúng quy trình thanh toán nợ trước thời hạn. Đồng thời, quá trình làm việc với bà O tại nhà mình, N đã gian dối trong việc xác định số tiền dư nợ khoản vay bằng cách tự tính ra số tiền bà O phải trả để tắt toán khoản vay. Cụ thể: N tính đến thời điểm ngày 19-5-2018, dư nợ gốc, lãi khoản vay của bà O là 181.100.000 đồng và bị phạt lãi trả nợ trước hạn là 5.049.000 đồng, ngoài ra khoản vay trên được chiết khấu tiền bảo hiểm khoản vay là 7.760.000 đồng và tiền bảo hiểm nhân thọ Manulife của con gái bà O là 8.196.000 đồng. Do đó, số tiền bà O còn phải trả để tắt toán khoản vay là 170.193.000 đồng. Trong khi thực tế để tắt toán khoản vay với Ngân hàng vào ngày 19-5-2018 thì bà O phải trả số tiền là 186.149.000 đồng mà không được chiết khấu các khoản bảo hiểm. Hơn nữa, theo quy định về thanh toán nợ trước thời hạn đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng thì N không có chức năng, nhiệm vụ để trực tiếp thực hiện nhưng N vẫn lấy danh nghĩa là nhân viên ngân hàng nên có thẩm quyền và khả năng hỗ trợ giúp bà O tắt toán khoản vay trên. Sau đó, N đề nghị bà O đưa cho mình số tiền 170.193.000 đồng rồi N sẽ nộp trả vào Ngân hàng để tắt toán khoản vay cho bà O. Do tin tưởng N là nhân viên ngân hàng nên bà O đã đồng ý đưa tiền cho N. Cùng ngày, tại nhà mình, N đã viết “Giấy xác nhận trả nợ trước hạn” (không đúng quy định) của Ngân hàng V để tạo niềm tin với mục đích để nhận được số tiền 170.193.000 đồng của bà O. Sau đó, N đã dùng số tiền trên để trả nợ cá nhân hết mà không tắt toán khoản vay cho bà O.

Khoảng một tuần sau, bà O hỏi N về việc đã thực hiện tắt toán khoản vay chưa thì N nói dối là đã tắt toán xong. Đồng thời để che giấu việc chưa thực hiện tắt toán khoản vay và tạo niềm tin với bà O thì N đã làm không 01 giấy “Đề nghị thu nợ trước hạn (Áp dụng cho khách hàng cá nhân)” không đúng mẫu quy định của ngân hàng với nội dung khách hàng Mai Thị Kim O đã tắt toán khoản vay

trước hạn với số tiền 170.000.000 đồng. Sau đó cắt ghép chữ ký, chữ viết của bà O và chữ ký, hình dấu chức danh của ông Vũ Đình T - Giám đốc Phòng giao dịch Q; hình dấu của Ngân hàng V chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Q; đóng dấu đối chiếu của Phòng giao dịch với nội dung “V ĐÃ ĐỐI CHIẾU BẢN GỐC NGÀY 20-5-2018” và ký xác nhận bên dưới để đưa cho bà O. Sau đó, để tiếp tục che giấu hành vi của mình thì từ ngày 01-6-2018 đến ngày 10-9-2019, N vẫn tiếp tục nộp tiền gốc và lãi cho khoản vay của bà O tổng cộng 18 lần với tổng số tiền là 87.437.398 đồng. Quá trình thực hiện N đều không thông báo cho bà O biết.

Do N nhiều lần nộp tiền gốc và lãi của khoản vay không đúng theo quy định của Ngân hàng như nộp thiếu tiền, nộp sai ngày quy định... và đến tháng 10/2019 thì N không nộp tiền gốc và lãi cho khoản vay của bà O nữa nên cán bộ xử lý nợ của Phòng xử lý nợ hiện trường tín chấp khách hàng cá nhân miền Bắc thuộc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng V là anh Trần Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định đã liên hệ với bà O để đôn đốc yêu cầu trả nợ. Ngày 25-10-2019, anh C đã mời bà O đến trụ sở của V tại địa chỉ: Số 91 đường B, phường B, thành phố Đ để làm việc và thông báo cho bà O biết khoản vay của bà O còn dư nợ tạm tính đến ngày 26-10-2019 là 169.252.634 đồng đồng thời yêu cầu bà O tắt toán toàn bộ khoản vay. Sau khi được thông báo, bà O khẳng định đã tắt toán khoản vay trên vào ngày 19-5-2018 cho chuyên viên tín dụng của ngân hàng là Lưu Thị Hồng N. Ngày 26-10-2019, anh C đã mời N đến nhà bà O để cùng làm việc. Quá trình làm việc với anh C, N xác nhận đã nhận tiền của bà O để tắt toán khoản vay vào ngày 19-5-2018 nhưng không thực hiện. N cam kết sẽ tắt toán khoản vay cho bà O vào ngày 20-11-2019. Tuy nhiên, sau đó do N không thực hiện đúng cam kết nên ngày 05-12-2019 bà O đã đến Công an thành phố Nam Định để trình báo toàn bộ sự việc đồng thời giao nộp cho cơ quan điều tra 01 “Giấy xác nhận trả nợ trước hạn” do N viết và 01 giấy “Đề nghị thu nợ trước hạn” mà N đưa cho bà O.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Trần Văn C 01 “Biên bản làm việc” vào ngày 26-10-2019 giữa anh C với bà O và N.

Bên cạnh đó, cơ quan điều tra đã yêu cầu Ngân hàng VPBank cung cấp các tài liệu liên quan đến hồ sơ vay vốn của bà Mai Thị Kim O, quy trình cho vay không có tài sản bảo đảm và Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử. Đồng thời, cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với ông Vũ Đình T - Giám đốc Phòng giao dịch Q – Ngân hàng V chi nhánh Đ. Ông T xác định: Về quy trình thanh toán nợ trước thời hạn đối với khách hàng cá nhân thì khách hàng liên hệ với cán bộ tín dụng để xác định số tiền nợ còn phải trả và khách hàng phải trực tiếp ký vào giấy đề nghị trả nợ trước hạn theo mẫu MB05QĐ-NVTD/19 để cán bộ lập hồ sơ tín dụng kiểm tra xác nhận lại thông tin và trình lãnh đạo có thẩm quyền xác nhận. Sau đó, khách hàng phải thực hiện nộp hoặc chuyển số tiền còn nợ vào tài khoản của khách hàng được mở tại Ngân hàng khi làm thủ tục giải ngân. Hoàn thành các thủ tục trên hồ sơ sẽ được giao cho chuyên viên phục vụ khách hàng chuyển lên Hội sở của Ngân hàng V để thu hồi

nợ. Đối với khoản vay của bà Mai Thị Kim O, để trả nợ trước thời hạn vào ngày 19-5-2018 thì bà O phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 186.149.000 đồng. Bên cạnh đó, “Giấy xác nhận trả nợ trước hạn” và “Đề nghị thu nợ trước hạn” mà Lưu Thị Hồng N đưa cho bà O là không đúng với mẫu quy định của Ngân hàng và không do Phòng giao dịch Q - Ngân hàng V chi nhánh Đ ban hành ra.

Sau khi nhận được đơn trình báo của bị hại, cơ quan điều tra đã triệu tập Lưu Thị Hồng N lên làm việc. Tại cơ quan điều tra, mặc dù không thừa nhận việc chiếm đoạt tiền của bà O song Lưu Thị Hồng N đã khai nhận toàn bộ hành vi dùng thủ đoạn gian dối khiến cho bà O tin tưởng và đưa số tiền 170.193.000 đồng cho mình để trả nợ cá nhân như trên.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên “Giấy xác nhận trả nợ trước hạn”; giấy “Đề nghị thu nợ trước hạn” và “Biên bản làm việc” đề ngày 26-10-2019. Tại bản Kết luận giám định số 1156/KLGD-PC09 ngày 24-12-2019 và bản Kết luận giám định số 296/KLGD-PC09 ngày 18-3-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên “Giấy xác nhận trả nợ trước hạn” trừ chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Thị Kim O dưới mục khách hàng là do Lưu Thị Hồng N ký, viết ra;

- Chữ viết “20-5-2018” và chữ ký đứng tên Lưu Thị Hồng N trên giấy “Đề nghị thu nợ trước hạn” là do Lưu Thị Hồng N ký, viết ra;

- Chữ viết dưới mục “Ý kiến bên thứ ba” và chữ ký, chữ viết đứng tên Lưu Thị Hồng N dưới mục “Đại diện bên thứ ba” trên “Biên bản làm việc” đề ngày 26-10-2019 là Lưu Thị Hồng N ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Lưu Thị Hồng N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 8.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra. Tuy nhiên, bà Mai Thị Kim O không nhận số tiền trên mà yêu cầu Ngân phải thực hiện việc tắt toán khoản vay của bà O đối với Ngân hàng V đồng thời N phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số dư nợ tăng thêm so với số tiền 170.193.000 đồng từ ngày 19-5-2018 cho đến khi tắt toán khoản vay. Hiện tại, N vẫn chưa tắt toán khoản vay của bà O đối với Ngân hàng V.

Bản cáo trạng số: 274/CT-VKSTPNĐ ngày 08-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Lưu Thị Hồng N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Lưu Thị Hồng N khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên đồng thời có quan điểm bị cáo sẽ chịu trách nhiệm trả cho bà Oanh toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cùng tiền lãi, phí phát sinh đối với khoản vay của bà Oanh tại Ngân hàng VPBank kể từ ngày 20-5-2018 đến hết ngày xét xử 27-10-2020.

Bị hại bà Mai Thị Kim O trình bày toàn bộ sự việc như tại cơ quan điều tra đồng thời có quan điểm yêu cầu Lưu Thị Hồng N phải trả lại cho bà toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cùng toàn bộ số tiền lãi, phí tăng thêm đối với số dư nợ gốc từ ngày 19-5-2018 đến nay để bà thực hiện việc tắt toán khoản vay cho

Ngân hàng V. Bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho Lưu Thị Hồng N.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V trình bày: Khoản vay của khách hàng Mai Thị Kim O còn dư nợ gốc tính đến hết ngày 27-10-2020 là 141.686.455 đồng; tổng tiền lãi phát sinh từ ngày 11-9-2019 đến hết ngày 27-10-2020 là 54.408.910 đồng; tiền phí phát sinh từ ngày 11-9-2019 đến hết ngày 27-10-2020 là 2.924.608 đồng, tổng cộng là 199.019.973 đồng. Ngân hàng V yêu cầu khách hàng Mai Thị Kim O có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số dư nợ đến hạn theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Lưu Thị Hồng N tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Thị Hồng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Thị Hồng N từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, giao bị cáo cho UBND phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vấn đề bồi thường dân sự. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng của vụ án theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lưu Thị Hồng N nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lưu Thị Hồng N; bị hại bà Mai Thị Kim O; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lưu Thị Hồng N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 19-5-2018, Lưu Thị Hồng N

đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà Mai Thị Kim O số tiền 170.193.000 đồng tại địa chỉ: Số nhà 156/114 đường B, phường N, thành phố Đ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 170.193.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lưu Thị Hồng N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Ngoài ra, trong giai đoạn điều tra bị cáo đang có thai và hiện nay đang nuôi con nhỏ 01 tháng tuổi; gia đình bị cáo có công với cách mạng; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lưu Thị Hồng N đã lợi dụng việc bản thân là chuyên viên tín dụng của ngân hàng để tạo lòng tin và dùng các thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Xét bị cáo Lưu Thị Hồng N phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương; bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án thấy rằng có thể cho bị cáo Lưu Thị Hồng N được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Cùng với việc cho bị cáo được hưởng án treo, Tòa án sẽ ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lưu Thị Hồng N hiện không có nghề nghiệp ổn định và đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Về xác định số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt của bị hại:

Số tiền bị cáo Lưu Thị Hồng N chiếm đoạt của bị hại bà Mai Thị Kim O vào ngày 19-5-2018 là 170.193.000 đồng và bị cáo đã sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc cá nhân. Từ ngày 03-6-2018 đến ngày 10-9-2019, bị cáo N dùng tiền cá nhân của mình để tiếp tục nộp tiền nợ gốc và lãi cho khoản vay của bà O tổng cộng 18 lần với tổng số tiền là 87.437.398 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 38.222.818 đồng, tiền nợ lãi là 48.625.888 đồng, tiền phí duy trì tài khoản là 588.692 đồng (theo văn bản ngày 16-9-2020 của Ngân hàng V xác định). Số tiền nợ gốc 38.222.818 đồng do bị cáo N nộp đã được Ngân hàng V trừ vào tiền nợ gốc của bà O tại Ngân hàng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền thực tế bị cáo N chiếm đoạt của bà O là $170.193.000 - 38.222.818 \text{ đồng} = 131.970.182 \text{ đồng}$.

[6.2] Về xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Sau khi bà Mai Thị Kim O giao số tiền 170.193.000 đồng cho bị cáo Lưu Thị Hồng N vào ngày 19-5-2018, bị cáo N không thực hiện việc tắt toán khoản vay của bà O tại Ngân hàng V như thỏa thuận giữa hai bên mà sử dụng số tiền bà O đã giao vào mục đích cá nhân. Vì bị cáo không thực hiện tắt toán khoản vay dẫn đến việc từ ngày 20-5-2018 đến ngày xét xử, khoản vay của bà O tại Ngân hàng đã phát sinh các khoản tiền lãi, phí. Hội đồng xét xử xác định toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 20-5-2018 đến hết ngày xét xử đối với khoản vay của bà O tại Ngân hàng là thiệt hại xảy ra do hành vi phạm tội của bị cáo N.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Thị Hồng N tự nguyện nhận trách nhiệm trả cho bà O toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh đối với khoản vay của bà O tại Ngân hàng V kể từ ngày 20-5-2018 đến hết ngày xét xử 27-10-2020. Xét sự tự nguyện của bị cáo N về việc trả cho bà O toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh đối với khoản vay của bà O tại Ngân hàng V là không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo N về việc trả cho bà O toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh đối với khoản vay của bà O tại Ngân hàng V. Tại văn bản ngày 16-9-2020 do Ngân hàng V cung cấp, từ sau ngày 19-5-2018 đến ngày 10-9-2019, tài khoản vay của bà Mai Thị Kim O đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi (bao gồm lãi phải thu, lãi trên gốc, lãi phạt) với tổng số tiền là 48.625.888 đồng, tiền phí duy trì tài khoản là 588.692 đồng. Từ ngày 11-9-2019 đến hết ngày xét xử 27-10-2020, tổng số tiền lãi, phí phát sinh chưa thanh toán đối với khoản vay của bà O là 57.333.518 đồng (bao gồm 54.408.910 đồng tiền lãi và 2.924.608 đồng tiền phí). Số tiền lãi từ sau ngày 19-5-2018 đến ngày 10-9-2019 bị cáo N đã thực hiện trả cho Ngân hàng. Như vậy, bị cáo N phải có trách nhiệm trả cho bà O toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh đối với khoản vay của bà O tại Ngân hàng từ ngày 11-9-2019 đến hết ngày xét xử 27-10-2020 là 57.333.518 đồng theo quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, bị cáo Lưu Thị Hồng N còn phải có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị Kim O số tiền thực tế bị cáo đã chiếm đoạt là 131.970.182 đồng và toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh của khoản vay tại Ngân hàng V từ ngày 11-9-2019 đến hết ngày xét xử 27-10-2020 là 57.333.518 đồng. Đối trừ số tiền 8.000.000 đồng bị cáo N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra. Vậy Hội đồng xét xử buộc bị cáo N phải có

trách nhiệm bồi thường cho bà Mai Thị Kim O tổng số tiền là 131.970.182 đồng + 57.333.518 đồng – 8.000.000 đồng = 181.303.700 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng của vụ án như sau:

Trả cho bà Mai Thị Kim O số tiền 8.000.000 đồng do bị cáo Lưu Thị Hồng N đã tự nguyện nộp để khắc phục một phần hậu quả.

[8] Về án phí: Bị cáo Lưu Thị Hồng N bị kết án nên phải chịu án phí hình ự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể như sau:

- Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng.
- Án phí đối với phần bồi thường dân sự cho bà Mai Thị Kim O: 181.303.700 đồng x 5% = 9.065.000 đồng (đã làm tròn số).

[9] Các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với quan điểm của Ngân hàng V yêu cầu bà Mai Thị Kim O có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đến hạn theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng V thì Hội đồng xét xử thấy rằng đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, không được giải quyết trong vụ án hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc Ngân hàng V yêu cầu bà Mai Thị Kim O thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đến hạn với Ngân hàng trong vụ án này. Nếu có tranh chấp, các bên có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Thị Hồng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Hồng N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27-10-2020.

Giao bị cáo Lưu Thị Hồng N cho UBND phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lưu Thị Hồng N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lưu Thị Hồng N phải chấp hành hình phạt 03 năm tù đã cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lưu Thị Hồng N phải bồi thường cho bà Mai Thị Kim O số tiền 181.303.700 đồng (*một trăm tám mươi một triệu ba trăm lẻ ba nghìn bảy trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Mai Thị Kim O có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo Lưu Thị Hồng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả cho bà Mai Thị Kim O số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*)

(Vật chứng có đặc điểm như Biên lai thu tiền số AA/2012/01929 ngày 31-8-2020).

4. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Lưu Thị Hồng N phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 9.065.000 đồng (*chín triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Lưu Thị Hồng N; bị hại bà Mai Thị Kim O; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

